



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC
BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC
BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính hợp nhất	6 - 7
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 35
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Petec Bình Định công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là PETEC BIDICO) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định chuyển đổi thành Công ty Cổ phần thương mại Bình Định) theo Quyết định số 35/2001/QĐ-UB ngày 14/05/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định và Quyết định số 98/QĐ-CPTM ngày 14/04/2007 đổi tên Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000014 ngày 15/05/2001. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100406219) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/10/2016. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ : 40.391.470.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến 31/12/2016: 40.391.470.000 đồng.

Cổ phiếu công ty đã chính thức giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2016 với mã chứng khoán GCB.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 389 Trần Hưng Đạo - Phường Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: (84) 056 3822 233
- Fax: (84) 056 3823 863
- Website: www.petecbidico.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, mỡ phụ, khí dầu mỏ hóa lỏng và các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán hóa chất, phân bón, vật tư công, nông, ngư nghiệp, nguyên vật liệu phi kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện vận tải;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, hàng nông sản;
- Bán mô tô, xe máy;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, dây chuyền thiết bị đồng bộ. Mua bán hàng điện lạnh công nghiệp;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán hàng điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thuốc lá, rượu, bia, mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế;
- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Sản xuất, gia công hàng may mặc;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, lập dự án đầu tư mua sắm, đòi mới thiết bị công nghệ, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu và chọn thầu mua sắm thiết bị công nghệ;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào. Chi tiết: Bán buôn thuốc lá;
- Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ bao gồm: vận chuyển khách du lịch, vận chuyển khách bằng xe buýt và taxi, vận chuyển hàng hóa; kinh doanh dịch vụ và mua bán sản phẩm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông. Chế biến thực phẩm đồ hộp, nông, lâm, thủy, hải sản.

Công ty có 8 đơn vị trực thuộc và 1 công ty con:

Các Đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Petec Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Xí nghiệp Chế biến và Kinh doanh hàng tiêu dùng;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Đào Tấn - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Hùng Vương - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Hoài Hào - Hoài Nhơn - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Chợ Gồm - Phù Cát - Bình Định.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Du lịch Petec Bình Định	323 Bạch Đằng - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định	Nhà hàng ăn uống, khách sạn, lữ hành...	100%

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 121 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 20 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Huỳnh Đức Trường | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 25/05/2015 |
| • Ông Nguyễn Trọng Phát | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/05/2015 |
| • Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/05/2015 |
| • Ông Nguyễn Đức Linh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/05/2015 |
| • Ông Lương Duy Vân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/05/2015 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-----------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Văn Ánh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 25/05/2015 |
| • Ông Hoàng Anh Tuấn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/05/2015 |
| • Ông Nguyễn Văn Phàn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/05/2015 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Trọng Phát | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 25/05/2015 |
| • Ông Lương Duy Vân | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 25/05/2015 |
| • Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 25/05/2015 |
| • Bà Không Thị Hà | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 25/05/2015 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

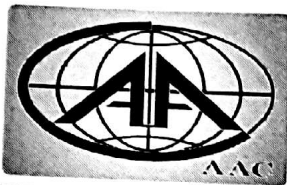
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Phát

Quy Nhơn, ngày 27 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.236.3655886; Fax: 84.236.3655887
Email: aac@dng.vn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 451/2017/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Petec Bình Định

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Petec Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27/03/2017, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

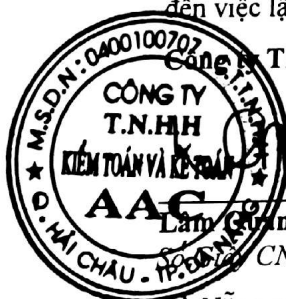
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89.876.024.117	87.079.405.076
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.325.437.869	16.139.715.547
1. Tiền	111	5	7.325.437.869	16.139.715.547
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.083.850.004	49.620.217.022
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	68.579.081.303	48.857.580.069
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.474.893.953	5.969.279.918
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	781.859.841	660.096.308
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(6.751.985.093)	(5.866.739.273)
IV. Hàng tồn kho	140		17.212.208.423	19.565.808.121
1. Hàng tồn kho	141	10	17.212.208.423	19.565.808.121
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.254.527.821	1.753.664.386
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	161.140.377	91.186.957
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.093.387.444	1.644.203.833
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	18.273.596
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			27.376.695.360	31.096.617.203
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		23.843.378.230	27.590.365.526
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	22.942.730.230	26.689.717.526
- Nguyên giá	222		48.459.672.785	52.174.476.087
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.516.942.555)	(25.484.758.561)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	900.648.000	900.648.000
- Nguyên giá	228		900.648.000	900.648.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	1.349.852.909	1.388.580.278
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	5.479.064.524	5.479.064.524
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	14	(4.129.211.615)	(4.090.484.246)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.183.464.221	2.117.671.399
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	2.183.464.221	2.117.671.399
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		117.252.719.477	118.176.022.279

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C. Nợ phải trả	300		54.929.285.338	58.590.888.396
I. Nợ ngắn hạn	310		51.624.175.602	55.009.890.660
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	6.904.910.278	11.777.868.301
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	35.261.638	33.800.258
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	17	2.855.014.440	1.034.158.107
4. Phải trả người lao động	314		1.867.535.260	1.602.540.301
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18.a	3.162.809.552	2.777.678.666
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	36.533.236.415	37.589.250.208
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		265.408.019	194.594.819
II Nợ dài hạn	330		3.305.109.736	3.580.997.736
1. Phải trả dài hạn khác	337	18.b	1.905.109.736	2.180.997.736
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.400.000.000	1.400.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.323.434.139	59.585.133.883
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	62.323.434.139	59.585.133.883
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	40.391.470.000	30.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.391.470.000	30.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	(54.000.000)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	14.688.530.000	19.617.483.450
4. Lợi nhuận sau thuế CPP	421	20	7.297.434.139	9.367.650.433
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.625.953.683	(267.659.596)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.671.480.456	9.635.310.029
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		117.252.719.477	118.176.022.279



Quy Nhơn, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Khổng Thị Hà

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	22	671.265.465.037	814.186.709.887
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		671.265.465.037	814.186.709.887
4. Giá vốn hàng bán	11	23	630.500.881.406	774.520.477.039
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		<u>40.764.583.631</u>	<u>39.666.232.848</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.198.879.507	514.475.501
7. Chi phí tài chính	22	25	2.254.687.619	6.697.745.880
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.159.495.034	2.554.491.259
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	26.a	31.331.642.414	30.771.769.392
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	8.910.186.107	9.573.396.810
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>(533.053.002)</u>	<u>(6.862.203.733)</u>
12. Thu nhập khác	31	27	9.795.281.576	21.749.108.784
13. Chi phí khác	32	28	77.670.890	293.041.069
14. Lợi nhuận khác	40		<u>9.717.610.686</u>	<u>21.456.067.715</u>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>9.184.557.684</u>	<u>14.593.863.982</u>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.983.077.228	3.402.062.283
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	26.491.670
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>7.201.480.456</u>	<u>11.165.310.029</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		7.201.480.456	11.165.310.029
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.175	3.208
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	2.175	3.021



Trần Hưng Đạo
Quy Nhơn, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Khổng Thị Hà

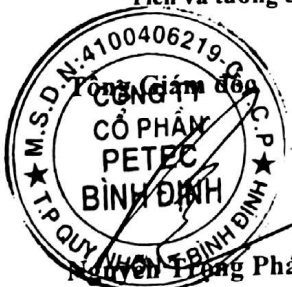
Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.184.557.684	14.593.863.982
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12	3.064.931.420	2.909.542.484
- Các khoản dự phòng	03		923.973.189	5.132.329.497
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24, 27	(5.498.253.762)	(9.348.872.271)
- Chi phí lãi vay	06	25	2.159.495.034	2.554.491.259
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		9.834.703.565	15.841.354.951
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.779.788.817)	(10.428.229.718)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.353.599.698	(3.586.764.615)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.218.071.909)	9.640.245.907
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(135.746.242)	(1.626.071.108)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.159.495.034)	(2.554.491.259)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(327.629.109)	(3.049.278.935)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.278.367.000)	(845.562.043)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.710.794.848)	3.391.203.180
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	12	(72.727.272)	(3.252.045.119)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	27	6.231.693.727	11.241.999.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	21.343.183	33.968.022
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.180.309.638	8.023.921.903
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		(54.000.000)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	19	657.226.147.914	794.330.305.372
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	19	(658.282.161.707)	(801.162.519.557)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20	(3.173.778.675)	(2.975.335.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.283.792.468)	(9.807.549.635)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(8.814.277.678)	1.607.575.448
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	16.139.715.547	14.532.140.099
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		7.325.437.869	16.139.715.547



Nguyễn Trọng Phát
Quy Nhơn, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Khổng Thị Hà

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là PETEC BIDICO) (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định chuyển đổi thành Công ty Cổ phần thương mại Bình Định) theo Quyết định số 35/2001/QĐ-UB ngày 14/05/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định và Quyết định số 98/QĐ-CPTM ngày 14/04/2007 đổi tên Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000014 ngày 15/05/2001, từ khi thành lập đến nay Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100406219) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/10/2016. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, mỡ phụ, khí dầu mỏ hóa lỏng và các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán hóa chất, phân bón, vật tư công, nông, ngư nghiệp, nguyên vật liệu phi kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện vận tải;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, hàng nông sản;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, dây chuyền thiết bị đồng bộ. Mua bán hàng điện lạnh công nghiệp;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán hàng điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thuốc lá, rượu, bia, mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế;
- Khách sạn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Sản xuất, gia công hàng may mặc;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, lập dự án đầu tư mua sắm, đổi mới thiết bị công nghệ, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu và chọn thầu mua sắm thiết bị công nghệ;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo. Chi tiết: Bán buôn thuốc lá;
- Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ bao gồm: vận chuyển khách du lịch, vận chuyển khách bằng xe buýt và taxi, vận chuyển hàng hóa; kinh doanh dịch vụ và mua bán sản phẩm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông. Chế biến thực phẩm đồ hộp, nông, lâm, thủy, hải sản.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có 8 đơn vị trực thuộc và 1 công ty con:

Các Đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Petec Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Xí nghiệp Chế biến và Kinh doanh hàng tiêu dùng;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Đào Tấn - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Hùng Vương - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Hoài Hào - Hoài Nhơn - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Chợ Gồm - Phù Cát - Bình Định.

Công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH MTV Du lịch Petec Bình Định

Địa chỉ trụ sở chính: 323 Bạch Đằng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Hoạt động kinh doanh chính: Nhà hàng ăn uống, khách sạn, lữ hành...

Vốn điều lệ: 7.000.000.000 VND, trong đó Công ty mẹ sở hữu 100%.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con.

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Chi phí bảo hiểm, thuê tài sản được phân bổ đều theo thời gian thực tế bảo hiểm, thuê tài sản;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho các cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Các mặt hàng xi măng, xăng dầu, công nghệ phẩm: Áp dụng mức thuế suất 10%. Các mặt hàng và dịch vụ khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	1.147.997.407	365.504.586
Tiền gửi ngân hàng	6.177.440.462	15.774.210.961
Cộng	7.325.437.869	16.139.715.547

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH TM Tổng hợp Duy Linh	904.287.000	1.795.777.000
Doanh nghiệp Tư nhân Nguyễn Khánh	1.519.412.250	1.157.773.959
Doanh nghiệp Tư nhân Xăng dầu Quốc Bảo	5.099.707.506	5.585.269.958
Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại Quốc Bảo	12.926.623.644	6.050.877.047
Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp - Cảng Qui Nhơn	2.295.824.080	1.773.542.980
DNTN Tân Hưng	1.956.722.155	1.956.722.155
Công ty TNHH MTV Du lịch Petec Bình Định	-	-
CN DNTN Xăng dầu Quốc Bảo	8.573.725.975	-
Các đối tượng khác	35.302.778.693	30.537.616.970
Cộng	68.579.081.303	48.857.580.069

Trong đó, phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Quốc Bảo	-	20.440.000
Công ty TNHH Vận tải Thương mại & Đầu tư Quốc Bảo	-	-
Doanh nghiệp Tư nhân xăng dầu Quốc Bảo	5.099.707.506	5.585.269.958
Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại Quốc Bảo	12.926.623.644	6.050.877.047
CN DNTN Xăng dầu Quốc Bảo	8.573.725.975	-
Cộng	26.600.057.125	11.656.587.005

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Trung Nhân	-	26.770.000
Công ty Xi măng Phúc Sơn	161.687	5.608.661.885
Công ty TNHH Hiệp Hòa	-	197.920.000
Công ty Xi măng Nghi Sơn	90.642.234	570.424
Công ty CP Xi măng Hoàng Long	1.265.000.000	-
Các đối tượng khác	119.090.032	135.357.609
Cộng	1.474.893.953	5.969.279.918

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	506.384.341	-	283.438.530	-
Nguyễn Thanh Thi	275.475.500	-	319.948.270	-
Các khoản phải thu khác	-	-	56.709.508	-
Cộng	781.859.841	-	660.096.308	-

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	6.751.985.093	5.866.739.273
- Từ 3 năm trở lên	5.623.297.161	4.077.216.483
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	542.386.182	1.078.456.400
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	586.301.750	223.596.890
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	487.469.500
Cộng	6.751.985.093	5.866.739.273

10. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	5.829.090.905	-	9.420.227.275	-
Nguyên liệu, vật liệu	272.442.628	-	90.488.717	-
Hàng hóa	11.110.674.890	-	10.055.092.129	-
Cộng	17.212.208.423	-	19.565.808.121	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2016.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.135.985	30.348.142
Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	10.909.314
Chi phí bảo hiểm tài sản, bảo lãnh ngân hàng	156.004.392	49.929.501
Cộng	161.140.377	91.186.957

b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	793.569.673	626.254.993
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.389.894.548	1.491.416.406
Cộng	2.183.464.221	2.117.671.399

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	38.606.398.426	8.790.223.518	4.403.281.427	215.027.261	159.545.455	52.174.476.087
Mua sắm trong năm	-	72.727.272	-	-	-	72.727.272
Th.lý, nhượng bán	-	309.804.877	350.000.000	-	-	659.804.877
Giải tỏa	3.127.725.697	-	-	-	-	3.127.725.697
Số cuối năm	35.478.672.729	8.553.145.913	4.053.281.427	215.027.261	159.545.455	48.459.672.785
Khấu hao						
Số đầu năm	16.094.666.436	7.593.658.002	1.605.060.396	98.851.022	92.522.705	25.484.758.561
Khấu hao trong năm	1.517.965.533	1.119.953.191	358.841.546	41.762.066	26.409.084	3.064.931.420
Th.lý, nhượng bán	-	309.804.877	350.000.000	-	-	659.804.877
Giải tỏa	2.372.942.549	-	-	-	-	2.372.942.549
Số cuối năm	15.239.689.420	8.403.806.316	1.613.901.942	140.613.088	118.931.789	25.516.942.555
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	22.511.731.990	1.196.565.516	2.798.221.031	116.176.239	67.022.750	26.689.717.526
Số cuối năm	20.238.983.309	149.339.597	2.439.379.485	74.414.173	40.613.666	22.942.730.230

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 14.829.025.672 đồng.
- Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là: 15.000.334.376 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	900.648.000	900.648.000
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	900.648.000	900.648.000
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	900.648.000	900.648.000
Số cuối năm	900.648.000	900.648.000

Quyền sử dụng đất lâu dài là Thừa đất số 1337, tờ bản đồ số 07 tại Xã Cát Hanh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định. Diện tích: 1.080 m². Mục đích sử dụng: Làm kho bãi phục vụ sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016				01/01/2016			
	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				5.479.064.524	4.129.211.615		5.479.064.524	4.090.484.246
- Công ty CP Cà phê Petec	0,97%	0,97%	29.200	296.000.000	70.622.512	29.200	296.000.000	59.043.940
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	0,13%	0,13%	-	136.350.000	-	-	136.350.000	-
- Công ty CP Kho vận Petec	2,78%	2,78%	200.000	2.000.000.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1	0,00%	0,00%	6	137.524	14.524	6	137.524	-
- Công ty CP BĐ sản và Kỹ thuật Xăng dầu Petec	5,22%	5,22%	200.000	2.000.000.000	1.726.872.498	200.000	2.000.000.000	1.706.373.280
Land								
- TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư - CT Cổ phần (Petec)	0,02%	0,02%	49.837	1.046.577.000	331.702.081	49.837	1.046.577.000	325.067.026
Cộng				5.479.064.524	4.129.211.615		5.479.064.524	4.090.484.246

Công ty trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2016 của các Công ty nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
CN TTC TM Kỹ thuật và Đầu tư - CT CP tại Bình Định	176.718.300	4.115.283.810
CN CT CP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Bình Định	4.239.924.400	3.933.353.000
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	1.000.000.000	1.300.000.000
Các đối tượng khác	1.488.267.578	2.429.231.491
Cộng	6.904.910.278	11.777.868.301

Trong đó, phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
Chi nhánh TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư tại Bình Định	176.718.300	4.115.283.810
Cộng	176.718.300	4.115.283.810

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tín Phát	10.000.000	10.000.000
Các đối tượng khác	25.261.638	23.800.258
Cộng	35.261.638	33.800.258

17. Thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	7.045.692	2.420.945.222	2.427.990.914	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	332.541.982	1.983.077.228	327.629.109	-	1.987.990.101
Thuế thu nhập cá nhân	18.273.596	-	390.473.846	199.746.344	-	172.453.906
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	694.570.433	1.995.969.003	1.995.969.003	-	694.570.433
Các loại thuế khác	-	-	12.000.000	12.000.000	-	-
Cộng	18.273.596	1.034.158.107	6.802.465.299	4.963.335.370	-	2.855.014.440

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	104.428.112	53.153.512
Bảo hiểm xã hội, BH y tế, BH thất nghiệp	16.539.185	1.345.500
Nguyễn Công Huân	-	342.593.997
Cửa hàng Lợi An Phú	-	107.000.000
Cổ tức phải trả	1.131.198.233	1.244.976.908
Ông Phạm Đức Định	-	340.000.000
Ông Nguyễn Thanh Nguyên	1.050.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	860.644.022	688.608.749
Cộng	<u>3.162.809.552</u>	<u>2.777.678.666</u>

b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.905.109.736	2.180.997.736
Cộng	<u>1.905.109.736</u>	<u>2.180.997.736</u>

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	37.589.250.208	657.226.147.914	658.282.161.707	36.533.236.415
- NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn	37.589.250.208	657.226.147.914	658.282.161.707	36.533.236.415
Cộng	<u>37.589.250.208</u>	<u>657.226.147.914</u>	<u>658.282.161.707</u>	<u>36.533.236.415</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối
Số tại 01/01/2015	30.600.000.000		19.617.483.450	3.435.848.734
Tăng trong năm	-		-	11.165.310.029
Giảm trong năm	-		-	5.233.508.330
Số tại 31/12/2015	30.600.000.000		19.617.483.450	9.367.650.433
Số tại 01/01/2016	30.600.000.000	-	19.617.483.450	9.367.650.433
Tăng trong năm	9.791.470.000	(54.000.000)	4.862.516.550	7.201.480.456
Giảm trong năm	-	-	9.791.470.000	9.271.696.750
Số tại 31/12/2016	40.391.470.000	54.000.000-	14.688.530.000	7.297.434.139

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần	12.740.640.000	9.652.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	27.650.830.000	20.948.000.000
Cộng	40.391.470.000	30.600.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.039.147	3.060.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.039.147	3.060.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.039.147	3.060.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.039.147	3.060.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.039.147	3.060.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	9.367.650.433	3.435.848.734
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	7.201.480.456	11.165.310.029
Điều chỉnh do hợp nhất	-	(1.373.508.330)
Phân phối lợi nhuận	9.271.696.750	3.860.000.000
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	7.741.696.750	2.330.000.000
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	4.862.516.550	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	979.180.200	600.000.000
+ Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	370.000.000	200.000.000
+ Trả cổ tức	1.530.000.000	1.530.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm nay (**)	1.530.000.000	1.530.000.000
+ Tạm ứng cổ tức	1.530.000.000	1.530.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	7.297.434.139	9.367.650.433

(*) Việc trích lập các quỹ và trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2015 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 18/05/2016.

(**) Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 theo tỷ lệ 5% vốn điều lệ căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV ngày 03/08/2016.

21. Các khoản mục ngoài bản cân đối kế toán

CHỈ TIÊU	31/12/2016	01/01/2016
Nợ khó đòi đã xử lý		
+ Nguyễn Thị Kim Diệu	5.558.086	-

22. Doanh thu

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu kinh doanh xi măng	269.158.309.449	314.711.555.442
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	297.021.945.562	397.071.513.847
Doanh thu kinh doanh công nghệ phẩm	97.805.163.187	93.192.071.047
Doanh thu cho thuê nhà, kho bãi	5.269.454.586	5.524.220.963
Doanh thu bán thành phẩm nước	-	39.448.474
Doanh thu bán vật tư	-	36.065.626
Doanh thu hoạt động lữ hành	-	331.413.636
Doanh thu dịch vụ ăn uống	1.998.774.071	3.280.420.852
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh	11.818.182	-
Cộng	671.265.465.037	814.186.709.887

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn kinh doanh xi măng	250.635.086.396	298.992.492.327
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	281.598.150.168	381.509.082.575
Giá vốn kinh doanh công nghệ phẩm	96.931.003.870	91.624.136.884
Giá vốn bán thành phẩm nước	-	39.448.474
Giá vốn bán vật tư	-	38.813.535
Giá vốn hoạt động lưu hành	-	93.896.233
Giá vốn dịch vụ ăn uống	1.336.640.972	2.222.607.011
Cộng	630.500.881.406	774.520.477.039

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	21.343.183	33.968.022
Nhận hỗ trợ lãi suất	457.050.730	457.562.000
Lãi bán hàng trả chậm	720.485.594	22.945.479
Cộng	1.198.879.507	514.475.501

25. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí lãi vay	2.159.495.034	2.554.491.259
Chi phí lãi tài khoản ký quỹ	56.465.216	52.803.499
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	38.727.369	4.090.451.122
Cộng	2.254.687.619	6.697.745.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân viên bán hàng	8.683.283.968	7.090.292.171
Chi phí nguyên, nhiên liệu	7.234.636	281.537.011
Chi phí đồ dùng văn phòng	747.083.781	125.309.644
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.514.003.400	2.550.908.417
Chi phí thuế, phí và lệ phí	1.902.244.707	1.451.570.527
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.798.083.650	18.612.535.969
Chi phí quảng cáo, tiếp khách	1.375.829.051	545.507.911
Chi phí bằng tiền khác	303.879.221	114.107.742
Cộng	31.331.642.414	30.771.769.392

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân viên quản lý	3.140.074.281	3.443.104.608
Chi phí dụng cụ, đồ dùng, văn phòng phẩm	1.059.995.630	1.449.806.282
Chi phí khấu hao tài sản cố định	524.109.844	331.815.891
Chi phí thuế, phí, lệ phí	179.745.796	308.647.219
Chi phí dự phòng	890.803.906	1.041.878.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.564.946.239	1.092.542.177
Chi phí giao dịch, tiếp tân	956.745.699	998.938.806
Chi phí quản lý khác	593.764.712	906.663.452
Cộng	8.910.186.107	9.573.396.810

27. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng	4.310.050.296	11.995.193.520
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	97.272.727	9.314.904.249
Thu nhập từ bồi thường thu hồi đất	5.379.637.852	-
Thu nhập khác	8.320.701	439.011.015
Cộng	9.795.281.576	21.749.108.784

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Xử lý công nợ	38	
Chi phí phạt vi phạm hành chính	50.136.290	203.240.996
Chi phí khác	27.534.562	89.800.073
Cộng	77.670.890	293.041.069

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.184.557.684	14.593.863.982
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	730.964.747	870.055.486
- Các khoản điều chỉnh tăng	730.964.747	1.002.513.835
+ Chi phí không hợp lệ	27.534.562	293.041.069
+ Phạt hành chính	50.136.290	-
+ Thủ lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	108.000.000	156.750.000
+ Lỗ tại Công ty con	501.484.804	552.722.766
+ Khấu hao xe ô tô nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	43.809.091	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	132.458.349
+ Hoàn nhập trích lập dự phòng tại Công ty con	-	132.458.349
Tổng thu nhập chịu thuế	9.915.522.431	15.463.919.468
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.983.077.228	3.402.062.283

30. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.201.480.456	11.165.310.029
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	(1.349.180.200)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	1.349.180.200
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.201.480.456	9.816.129.829
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.311.475	3.060.000
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	2.175	3.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.928.230.343	2.131.600.279
Chi phí nhân công	11.968.885.249	11.548.748.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.064.931.420	2.909.542.484
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.695.604.639	21.292.753.590
Chi phí khác bằng tiền	3.870.438.342	3.870.757.995
Cộng	41.528.089.993	41.753.402.708

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là thương mại và một bộ phận địa lý chính là tỉnh Bình Định.

33. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá hàng hóa ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các đại lý: Công nợ của các đại lý được quản lý bằng việc cấp hạn mức dư nợ tối đa theo từng quý trong năm. Theo đó, mỗi đại lý sẽ có một mức dư nợ khác nhau và các khoản nợ vượt hạn mức sẽ bị tính lãi vay theo mức lãi suất của ngân hàng mà Công ty giao dịch.
- Bán hàng trực tiếp: Phần lớn công nợ được thu bằng tiền mặt. Do đó, rủi ro tín dụng đối với các khoản công nợ phải thu phát sinh từ hoạt động bán hàng trực tiếp ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	Đơn vị tính: VND		
31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.904.910.278	-	6.904.910.278
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	36.533.236.415	-	36.533.236.415
Phải trả khác	3.041.842.255	1.905.109.736	4.946.951.991
Cộng	46.479.988.948	1.905.109.736	48.385.098.684
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	11.777.868.301	-	11.777.868.301
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	37.589.250.208	-	37.589.250.208
Phải trả khác	2.723.179.654	2.180.997.736	4.904.177.390
Cộng	52.090.298.163	2.180.997.736	54.271.295.899

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh và các tài sản tài chính để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và khoản tương đương tiền	7.325.437.869	-	7.325.437.869
Phải thu khách hàng	61.827.096.210	-	61.827.096.210
Đầu tư tài chính	8.573.725.975	1.349.852.909	9.923.578.884
Phải thu khác	275.475.500	-	275.475.500
Cộng	78.001.735.554	1.349.852.909	79.351.588.463

<u>01/01/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và khoản tương đương tiền	16.139.715.547	-	16.139.715.547
Phải thu khách hàng	42.990.840.796	-	42.990.840.796
Đầu tư tài chính	-	1.388.580.278	1.388.580.278
Phải thu khác	376.657.778	-	376.657.778
Cộng	59.507.214.121	1.388.580.278	60.895.794.399

34. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a. Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty CP (Petec)

Chi nhánh TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư tại Bình Định

Chi nhánh TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư tại Đà Nẵng

Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Quốc Bảo

Công ty TNHH Vận tải Thương mại & Đầu tư Quốc Bảo

Doanh Nghiệp Tư nhân xăng dầu Quốc Bảo

Doanh Nghiệp Tư nhân Thương mại Quốc Bảo

CN DNTN Xăng dầu Quốc Bảo

Công ty đầu tư

Chi nhánh của TCT TM Kỹ thuật và đầu tư

Chi nhánh của TCT TM Kỹ thuật và đầu tư

Bên liên quan với Tổng Giám đốc

Bên liên quan với Tổng Giám đốc

Bên liên quan với Tổng Giám đốc

Bên liên quan với Tổng Giám đốc

Bên liên quan với Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Quốc Bảo	-	358.846.000
Công ty TNHH Vận tải Thương mại & Đầu tư Quốc Bảo	144.382.038	-
Doanh Nghiệp Tư nhân xăng dầu Quốc Bảo	17.544.437.548	25.346.567.026
Doanh Nghiệp Tư nhân Thương mại Quốc Bảo	27.495.746.597	34.478.560.149
CN DNTN Xăng dầu Quốc Bảo	13.533.725.975	-
Mua hàng		
Chi nhánh TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư tại Bình Định	52.266.410.790	130.950.064.988
Chi nhánh TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư tại Đà Nẵng	-	6.161.981.380

c. Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thưởng và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
Thù lao Hội đồng quản trị	252.000.000	269.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	764.000.000	699.780.000
- Tiền lương	624.000.000	549.780.000
- Tiền thưởng	140.000.000	150.000.000
Cộng	1.016.000.000	968.780.000

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Trọng Phát

Quy Nhơn, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Khổng Thị Hà

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt